

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2022

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Vĩnh

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Ông Châu Văn P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/4/2022, tại phiên hòa giải ngày 30/6/2022 và tại phiên tòa bà Trần Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà K và ông P tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn gia đình do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông P có người phụ nữ khác nên dẫn đến cãi vã nhau, có được hàn gắn nhưng không kết quả, bà K yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 3 cháu tên Châu Hoa S, sinh năm 1996; Châu Trường H, sinh năm 1998 hai cháu đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Châu Thiên V, sinh năm 2005 bị bệnh khuyết tật bẩm sinh, chậm phát triển, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án ngày 30/6/2022 ông Châu Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất về thời gian đi đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Riêng về mâu thuẫn, ông không có người phụ nữ khác như trình bày của bà K, trong cuộc sống vợ chồng không có sự bần bạc thống nhất nên xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Ông P đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: Là đúng, ông P đồng ý để cháu Châu Thiên V cho bà K nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với ông Châu Văn P, địa chỉ ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Châu Văn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị K và ông Châu Văn P tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1996. Trong quá trình chung sống giữa bà K và ông P xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân, bà K và ông P cùng đồng ý ly hôn nhau. Tuy nhiên, giữa bà K và ông P chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị K với ông Châu Văn P.

[3] Về con chung:

Các cháu Châu Hoa S và Châu Trường H đã trưởng thành nên không xem xét.

Riêng cháu Châu Thiên V, sinh năm 2005, cháu bị bệnh khuyết tật, bẩm sinh, chậm phát triển, không ghi được nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, bà K và ông P cùng thống nhất giao cháu V cho bà K nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Châu Thiên V cho bà Trần Thị K nuôi dưỡng. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu V không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị K không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị K và ông Châu Văn P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị K và ông Châu Văn P xác định không có nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm: Bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng, bà K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010417 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; ông Châu Văn P không phải chịu án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị K với ông Châu Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Châu Thiên V, sinh ngày 03/01/2005 cho bà Trần Thị K nuôi dưỡng, cháu Văn đang do bà K nuôi dưỡng, bà K tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Châu Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu V không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng, bà K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010417 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu

+ Ông Châu Văn P không phải chịu án phí.

Bà Trần Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Châu Văn P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

